

Số: 05 /2010/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ đối với vận động viên,
huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải
thi đấu thể thao của tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ các thông tư liên tịch của liên Bộ Tài chính-Văn hoá Thể thao và Du lịch số 127/2008/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 24/12/2008 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg ngày 26/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ; số 02/2009/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 12/01/2009 quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2010/NQ-HĐND ngày 24/3/2010 của HĐND tỉnh về việc quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh;

Xét đề nghị của liên ngành Văn hoá Thể thao và Du lịch-Tài chính tại Tờ trình số 107/TTr-SVHTTDL-STC ngày 03/02/2010 về việc thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ đối với vận động viên, huấn luyện viên và chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao của tỉnh theo phụ lục chi tiết đính kèm.

Điều 2. Thời gian thực hiện từ ngày 01/4/2010.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Như điều 3;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu VT, KTTHT.

A.15

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KP. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Bát Khách

PHỤ LỤC CHI TIẾT
(Kèm theo Quyết định số 5 /QĐ-UBND ngày 12 / 4 /2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I/ Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với HLV, VĐV thành tích cao (tính bằng tiền / ngày được triệu tập, tập trung tập luyện và thi đấu).

I- Tập luyện, thi đấu trong nước, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/ngày

| TT | HLV - VĐV | Chế độ dinh dưỡng tập luyện, thi đấu | |
|----|---|--------------------------------------|---------|
| | | Tập luyện | Thi đấu |
| 1 | Đội tuyển tỉnh | 90.000 | 120.000 |
| 2 | Đội tuyển trẻ tỉnh | 70.000 | 90.000 |
| 3 | Đội tuyển năng khiếu tỉnh | 50.000 | 90.000 |
| 4 | Đội tuyển năng khiếu các huyện, thành phố | 50.000 | 90.000 |

2- Chế độ bồi dưỡng (tiền ăn) thường xuyên đối với HLV, VĐV ở Trường Nghiệp vụ TDTT những ngày tập luyện, không kể những ngày nghỉ theo quy định, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

| TT | HLV - VĐV | Chế độ tiền ăn thường xuyên |
|----|-----------------|-----------------------------|
| 1 | Huấn luyện viên | 50.000 |
| 2 | Vận động viên | 50.000 |

3- Chế độ bồi dưỡng HLV, VĐV các lớp nghiệp dư nâng cao của tỉnh: Thời gian hưởng tối đa không quá 3 ngày/tuần, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

| TT | HLV - VĐV | Chế độ tiền ăn thường xuyên |
|----|-----------------|-----------------------------|
| 1 | Huấn luyện viên | 25.000 |
| 2 | Vận động viên | 15.000 |

4- Chế độ bồi dưỡng HLV, VĐV các lớp nghiệp dư của huyện, thành phố:
 Thời gian hưởng tối đa không quá 03 ngày/tuần, cụ thể như sau:

*Huấn luyện viên HLV: 15.000đ/ngày huấn luyện

*Vận động viên: 10.000đ/ngày tập luyện

5- Tập huấn, thi đấu nước ngoài:

Căn cứ thư mời, điều lệ, hợp đồng đào tạo, tập huấn được ký kết, sẽ trình cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện trong dự toán ngân sách thông báo hàng năm đối với sự nghiệp TDTT.

II/ Chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao:

1- Tổ chức giải thi đấu: áp dụng theo Thông tư Liên tịch số 02/2009/TTLT/BTC-BVHTTDL của Liên bộ Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

1.1 - Chế độ bồi dưỡng cho các thành viên tham gia tổ chức giải cấp tỉnh.

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

| TT | Đối tượng | Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải | Tiền làm nhiệm vụ trong quá trình tổ chức giải |
|----|-------------------------|--------------------------------------|--|
| 1 | Thành viên BCD, BTC | 50.000 | 65.000 |
| 2 | Thành viên các tiểu ban | 40.000 | 50.000 |
| 3 | Nhân viên phục vụ giải | | 50.000 |

1.2 - Chế độ bồi dưỡng cho các thành viên tham gia tổ chức giải cấp huyện .

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

| TT | Đối tượng | Tiền ăn trong quá trình tổ chức giải | Tiền làm nhiệm vụ trong quá trình tổ chức giải |
|----|-------------------------|--------------------------------------|--|
| 1 | Thành viên BCD, BTC | 35.000 | 45.000 |
| 2 | Thành viên các tiểu ban | 30.000 | 35.000 |
| 3 | Nhân viên phục vụ giải | | 35.000 |

2 - Quy định giải thưởng cho HLV, VĐV:

2.1 - Các VĐV và HLV có VĐV thi đấu đạt thành tích giải quốc gia (Khen thưởng theo Quyết định 234/2006/TTLT- BTC- BLĐTBXH- UBTDTT và Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 27/12/2007 của ủy ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên).

2.2 - Các VĐV thi đấu đạt thành tích giải tỉnh các môn thể thao: Mức thưởng cụ thể:

- Giải cá nhân:

| TT | Thành tích | Tiền thưởng (đồng) |
|----|------------|--------------------|
| 1 | Nhất | 500.000 |
| 2 | Nhì | 300.000 |
| 3 | Ba | 200.000 |

- Giải đồng đội:

+ Giải thưởng cho những môn thể thao (có 02 VĐV trở lên thi đấu giành được 1 huy chương), VĐV và HLV được hưởng theo quy định của điều lệ.

+ Giải thưởng cho các môn thể thao đồng đội (cộng điểm thành tích cá nhân thành điểm đồng đội được 1 huy chương) số VĐV, HLV được hưởng theo mức thưởng điều lệ.

+ Giải thưởng các môn tập thể: Bóng đá, bóng chuyền giành được 1 huy chương, mức thưởng chung bằng mức người được hưởng nhân mức thưởng quy định theo điều lệ.

Đối với HLV các đội tập thể đạt thành tích, mức thưởng bằng 30% tổng số mức thưởng của toàn đội.

3- Các VĐV thi đấu đạt thành tích giải huyện, thành phố giải thưởng được áp dụng bằng 70% các mức thưởng tương ứng của tỉnh.

III/ Chế độ bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn xếp hình, xếp chữ

1 - Cấp tỉnh:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

| TT | Đối tượng tham gia | Số tiền |
|----|------------------------------|---------|
| 1 | Tập luyện | 25.000 |
| 2 | Tổng duyệt | 30.000 |
| 3 | Chính thức | 40.000 |
| 4 | Giáo viên quản lý, hướng dẫn | 50.000 |

2 - Cấp huyện:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

| TT | Đối tượng tham gia | Số tiền |
|----|------------------------------|---------|
| 1 | Tập luyện | 20.000 |
| 2 | Tổng duyệt | 25.000 |
| 3 | Chính thức | 30.000 |
| 4 | Giáo viên quản lý, hướng dẫn | 35.000 |